

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU CẤP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KỲ THI NGÀY 24/4/2022**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVD ngày tháng 4 năm 2022)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành		
1	Nguyễn Trung Anh	03/10/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt	
2	Đặng Văn Bình	06/03/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,4	9,0	Đạt	
3	Nguyễn Thị Kim Cương	01/09/1982	Phú Yên	Nữ	Kinh	7,8	5,5	Đạt	
4	Phạm Phú Cường	08/04/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
5	Phạm Nguyễn Khánh Châu	03/11/2001	TP HCM	Nữ	Kinh	5,6	5,5	Đạt	
6	Đoàn Vũ Hoài Chi	24/10/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9,0	7,0	Đạt	
7	Đặng Nguyễn Hương Giang	09/07/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	7,0	Đạt	
8	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	20/03/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	5,0	Đạt	
9	Nguyễn Thị Thanh Hằng	09/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	5,0	Đạt	
10	Phạm Thị Thu Hằng	25/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
11	Đặng Thị Thu Hiền	12/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,8	5,0	Đạt	
12	Nguyễn Thị Kim Hiền	20/06/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
13	Bùi Đạt Hiếu	25/06/1989	Nghệ An	Nam	Kinh	7,6	8,0	Đạt	
14	Nguyễn Thị Hòa	02/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	5,0	Đạt	
15	Lê Lâm Hoàng	26/10/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
16	Nguyễn Huy Hoàng	05/05/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,6	5,5	Đạt	
17	Trần Thế Hoàng	01/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,8	6,5	Đạt	
18	Nguyễn Thị Huệ	16/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
19	Phạm Thị Liên Huệ	02/03/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	5,5	Đạt	
20	Võ Thị Kim Huệ	15/09/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	6,0	Đạt	
21	Nguyễn Trần Mai Huyền	22/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	8,0	Đạt	
22	Nguyễn Thị Thanh Hương	20/06/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	6,5	Đạt	
23	Nguyễn Hồng Khải	17/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,2	6,5	Đạt	
24	Trần Ngọc Khiêm	20/05/1989	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,8	9,0	Đạt	
25	Trương Quang Lại	01/12/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,2	7,5	Đạt	
26	Trần Thị Lắm	01/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	10,0	Đạt	
27	Nguyễn Hồng Yên Linh	25/07/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
28	Nguyễn Thị Nhi Linh	20/12/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
29	Nguyễn Thị Tú Linh	15/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	9,5	Đạt	
30	Trương Khánh Linh	01/11/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,2	8,0	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành		
31	Nguyễn Hữu Lợi	02/05/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,8	7,5	Đạt	
32	Phạm Thị Mai	25/08/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	5,0	Đạt	
33	Trần Công Minh	03/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,4	6,0	Đạt	
34	Phạm Thị Trà My	09/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	7,0	Đạt	
35	Mai Giang Nam	10/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,8	6,5	Đạt	
36	Nguyễn Thị Minh Nghĩa	01/06/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
37	Nguyễn Thị Nguyên	13/03/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	6,5	Đạt	
38	Nguyễn Thị Phương Nhi	01/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
39	Nguyễn YẾN	10/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,4	6,0	Đạt	
40	Lê Thị Tuyết Nhung	15/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	7,5	Đạt	
41	Trần Thị Quỳnh Như	16/08/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	7,0	Đạt	
42	Pham Ma Thep Phoungun	04/12/1998	Lào	Nam	Lào	5,6	6,0	Đạt	
43	Nguyễn Thị Minh Phô	21/08/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	6,5	Đạt	
44	Phan Quang Phúc	29/07/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,4	9,5	Đạt	
45	Đỗ Thị Thu Phương	14/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	9,0	Đạt	
46	Hồ Ngọc Phương	04/01/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
47	Lê Thảo Phương	17/08/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
48	Lê Thanh Thúy Quỳnh	16/06/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	9,5	Đạt	
49	Nguyễn Thị Hữu Sa	15/09/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	5,5	Đạt	
50	Trần Quang Sỹ	10/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,4	9,5	Đạt	
51	Trần Ngân Tiến	30/04/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	9,0	Đạt	
52	Bùi Đức Tú	04/01/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,4	8,5	Đạt	
53	Võ Đình Ngọc Thạch	16/02/1987	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,6	6,5	Đạt	
54	Lê Thị Như Thảo	06/08/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	7,0	Đạt	
55	Lê Thị Thu Thảo	27/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	6,0	Đạt	
56	Phạm Minh Thế	01/01/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,8	6,5	Đạt	
57	Nguyễn Thị Thiêng	18/12/1990	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	8,8	9,0	Đạt	
58	Nguyễn Vũ Thịnh	30/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,4	7,0	Đạt	
59	Ứng Minh Thọ	12/08/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,6	7,5	Đạt	
60	Nguyễn Thị Thu Thuý	12/02/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	8,0	Đạt	
61	Bùi Minh Thư	01/10/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	10,0	Đạt	
62	Hồ Thị Hoàng Thương	24/08/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	9,5	Đạt	
63	Hà Kiều Trang	12/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	8,0	Đạt	
64	Nguyễn Thị Nữ Trang	12/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
65	Ngô Thị Thùy Trâm	16/09/1986	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	7,4	10,0	Đạt	
66	Nguyễn Trung Trục	01/11/1974	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	9,0	Đạt	
67	Trần Lê Tố Uyên	13/01/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	10,0	Đạt	

TT	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành		
68	Phan Thị Tường	Vi	15/04/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	10,0	Đạt	
69	Nguyễn Đức	Vinh	21/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
70	Lê Hoàng Thanh	Vy	10/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	9,0	Đạt	
71	Phạm Thị	Xanh	10/05/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	6,6	8,0	Đạt	
72	Heangsylaxay	Xaythany	05/06/1999	Lào	Nam	Lào	7,0	7,0	Đạt	
73	Vongsouphan	Ximixai	29/03/2000	Lào	Nam	Lào	7,4	6,0	Đạt	
74	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	18/08/1995	Bình Định	Nữ	Kinh	7,6	10,0	Đạt	
75	Nguyễn Thị Bảo	Hân	02/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	8,5	Đạt	
76	Ngô Thị Trà	My	19/10/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
77	Phan Thị Hồng	Thắm	18/02/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	10,0	Đạt	
78	Bùi Thị Kim	Hương	26/06/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,0	Đạt	
79	Nguyễn Thị Hữu	Sương	02/04/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	6,0	Đạt	
80	Lê Thị Kim	Thoa	08/09/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt	
81	Lê Quang	Chiêu	04/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt	
82	Huỳnh Thị Lệ	Diễm	12/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	5,5	Đạt	
83	Phan Thị Thanh	Huyền	19/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	6,0	Đạt	
84	Lê Tuấn	Thái	07/07/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,6	7,0	Đạt	

Danh sách này có: 84 thí sinh.